Số: 11/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

Stt	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	$45M_1$01/18	Công ty TNHH FoodTech	Nước sau khi xử lý	Phạm Thị Luyện	26/03/2018 9g30-9g45	Diệp Thị Ngọc Loan
2	$46M_1$01/18	207 Nguyễn Công Trứ		Nguyễn Thị Cẩm Tú	26/03/2018 8g30-8g45	Phạm Thị Luyện
3	$46M_2$01/18	Cảng cá Phường 6			26/03/2017 9g00-9g15	Nguyễn Thị Kim Trang
4	$46M_3$01/18	Ủy ban nhân dân Tỉnh			26/03/2018 9g30-9g45	Nguyễn Thị Cẩm Tú
5	47B01/18	Bể chứa NMN Tuy Hòa		Diệp Thị Ngọc Loan	26/03/2018 8g00-8g15	

II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				$45M_1$01/18	$46M_1$01/18	$46M_2$01/18	$46M_3$01/18
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6,99	7,05	7,03	7,02
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	1,46	1,07	0,57	0,55
3	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	12,8	12,46	12,80	13,14
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	43,03	42,51	44,07	43,55
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	0,004	0,004	0,014	0,004
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	8,30	6,00	3,50	2,20
8	Tổng chất rắn hòa tan(TDS) (mg/l)	1000	SMEWW-2540C	89	87	82	85
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN6180:1996	0,10	0,10	0,15	0,15
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	8,0	8,8	9,2	8,8
11	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	0,02	0,02	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6186:1996	0,39	0,33	0,33	0,33
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:2011	KPH (LOD=0,38)	KPH (LOD=0,38)	KPH (LOD=0,38)	KPH (LOD=0,38)

II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				47B01/18			
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	7,06			
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0,55			
3	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	KPH (LOD=0,02)			
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	12,46			
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	44,59			
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	0,004			
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	2,30			
8	Tổng chất rắn hòa tan(TDS) (mg/l)	1000	SMEWW-2540C	85			
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN6180:1996	0,15			
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	9,0			
11	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	KPH (LOD=0,01)			
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6186:1996	0,33			
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	0,006			
14	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:2011	0,44			

Ghi chú: - LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa , ngày 02 tháng 04 năm 2018

Lãnh Đạo Công Ty	Phòng Kỹ Thuật	Bộ Phận Kiểm nghiệm
KT.GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC		
Nguyễn Tấn Thuần	Nguyễn Văn Bình	Võ Bá Duy Huân